TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY NAM
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 29/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 08-3-2023
"V/v Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Dân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Mai Thị Nhặc.

2. Ông Nguyễn Văn Hết.

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Ngọc Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre.

Ngày 08 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 342/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2022 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2023/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị Kim N, sinh năm: 1983.

Địa chỉ: Ấp MĐ, xã HM, huyện M, tỉnh Bến Tre (Có mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm: 1977.

Địa chỉ: Ấp MĐ, xã HM, huyện M, tỉnh Bến Tre (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Huỳnh Thị Kim N trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn T tự quen biết, qua thời gian tìm hiểu và tự nguyện tiến tới hôn nhân, tổ chức lễ cưới vào tháng 01/2000, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HM, huyện M, tỉnh Bến Tre và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 30/10/2002. Sau khi thành hôn, anh T về sống cùng với gia đình của chị tại ấp MĐ, xã HM, huyện M, tỉnh Bến Tre. Chị và anh T chung sống hạnh phúc đến năm 2003 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm về cuộc sống dẫn đến anh chị thường xuyên cãi nhau. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng làm cho cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên chị và anh T ly thân từ năm 2005 cho đến nay. Trong thời gian ly thân, mạnh ai nấy sống không ai quan tâm đến ai, anh chị không gặp nhau nhằm mục đích hàn gắn đoàn tụ. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có một con chung tên Nguyễn Quốc Q, sinh ngày: 17/8/2000. Hiện tại, con đã thành niên và có khả năng tự lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh T không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Văn T vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm và tại phiên tòa, anh T cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của anh về những nội dung có liên quan đến yêu cầu khởi kiện của chị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Chị Huỳnh Thị Kim N có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre giải quyết ly hôn giữa chị với anh Nguyễn Văn T có nơi cư trú tại ấp MĐ, xã HM, huyện M, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định nhưng vẫn vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và xét xử vắng mặt đối với anh Nguyễn Văn T theo quy định tại các điều 207, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Kim N và anh Nguyễn Văn T tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HM, huyện M, tỉnh Bến Tre và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 30/10/2002 nên quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh T được xem là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tuy nhiên, chị N cho rằng cuộc sống hôn nhân giữa chị và anh T không hạnh phúc do anh chị có sự khác biệt về quan điểm sống dẫn đến anh chị thường xuyên cãi nhau. Mâu thuẫn giữa anh chị ngày càng trầm trọng nên từ năm 2005 cho đến nay, chị N và anh T sống ly thân, không ai quan tâm gì đến ai, anh chị sống ly thân trong thời gian dài nhưng không thể hàn gắn đoàn tụ được. Quá trình Tòa án giải quyết, anh T không có văn bản gửi cho Tòa án để trình bày ý kiến về hôn nhân giữa anh và chị N, cũng như anh T không có mặt tại Tòa án để tham gia hòa giải nhằm mục đích hàn gắn đoàn tụ. Từ đó, cho thấy quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh T đã đến mức trầm trọng, không thể đoàn tụ để tiếp tục

cuộc sống chung của vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N.

[2.2] Về con chung: Chị và anh T có một con chung tên Nguyễn Quốc Q, sinh ngày: 17/8/2000, hiện con đã thành niên và có khả năng tự lao động. Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung. Anh T vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm, cũng như không có văn bản gửi cho Tòa án để thể hiện ý kiến của anh T về con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị N trình bày không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh T vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm, cũng không có văn bản gửi cho Tòa án để thể hiện ý kiến của anh T về việc yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị N là người khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Kim N, cụ thể:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Kim N được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Chị Huỳnh Thị Kim N và anh Nguyễn Văn T có một con chung tên Nguyễn Quốc Q, sinh ngày: 17/8/2000. Hiện con chung đã thành niên, chị Huỳnh Thị Kim N và anh Nguyễn Văn T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

3. Về tài sản chung: Chị Huỳnh Thị Kim N và anh Nguyễn Văn T không có tài sản chung nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị Huỳnh Thị Kim N và anh Nguyễn Văn T không có nợ chung nên không xem xét.

5. Về án phí: Chị Huỳnh Thị Kim N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm

ứng án phí mà chị N đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009739 ngày 23 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre. Chị Huỳnh Thị Kim N đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Hồng Dân

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND xã HM;
- VKSND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.